

Số: 337/BC-THDH

Diễn Hạnh, ngày 28 tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

(theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 14 của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT,
ngày 03/6/2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục:

- Trường tiểu học Diễn Hạnh

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục:

- Địa chỉ trụ sở chính: xóm 3, xã Diễn Hạnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

- Địa chỉ thư điện tử: thdienhanh.dc@nghean.du.vn

- Cổng thông tin điện tử:

3. Loại hình của cơ sở giáo dục:

- Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- Sứ mạng:

Trường Tiểu học Diễn Hạnh tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao.

- Tầm nhìn:

Xây dựng Trường Tiểu học Diễn Hạnh trở thành trường có chất lượng cao; là địa chỉ tin cậy phụ huynh gửi gắm con em mình; nơi giáo viên và học sinh được hạnh phúc, luôn năng động sáng tạo có khát vọng vươn tới thành tích cao trong sự phát triển.

- Mục tiêu:

Nâng cao chất lượng đội ngũ CB, GV, VN đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018.

Huy động nguồn lực để phát triển nhà trường. Hoàn thiện CSVC, thiết bị.

Nâng cao chất lượng GD toàn diện cho học sinh.

Xây dựng nhà trường uy tín về chất lượng GD, hướng đến hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước, khu vực.

Giữ vững đơn vị đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ II

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

- Trường tiểu học Diễn Hạnh được tách ra từ trường cấp I, II xã Diễn Hạnh năm 1993. Từ năm 1993 đến nay nhà trường đã có 31 năm hình thành và phát triển.

- Năm 2010, trường tiểu học Diễn Hạnh đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1

- Năm 2016, trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2 theo Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 17/06/2016 của UBND tỉnh Nghệ An.

- Năm 2022, trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2 (Kiểm tra lại lần 2) theo Quyết định số 2778/QĐ-UBND ngày 14/09/2022 của UBND tỉnh Nghệ An.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Xuân

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường tiểu học Diễn Hạnh, xóm 3, xã Diễn Hạnh, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An

- Số điện thoại: 0946 302 173

- Địa chỉ thư điện tử: Thanhxuan6474@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

- Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định 3142/QĐ-UBND ngày 3/10/2024 của chủ tịch UBND huyện Diên Châu

- Chủ tịch hội đồng trường được công nhận theo Quyết định 4104/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của chủ tịch UBND huyện Diên Châu

- Danh sách thành viên hội đồng trường:

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐT

Ông Trần Trọng Ninh - Phó HT, PCT

Bà Bùi Thị Thúy - Chủ tịch CĐ, Ủy viên

Bà Phan Thị Thủy - Tổ trưởng tổ 4,5, Ủy viên

Bà Nguyễn Thị Đào - Tổ trưởng tổ 1,2,3, Ủy viên

Bà Trần Thị Hoa - Trưởng ban ĐDCMHS, Ủy viên

Ông Nguyễn Hưng - Phó chủ tịch UBND xã, Ủy viên

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

- Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Thanh Xuân:

Quyết định số 2599/QĐ-UBND, ngày 21/9/2018 về việc bổ nhiệm CBQL trường học đối với bà Nguyễn Thị Thanh Xuân giữ chức vụ hiệu trưởng trường tiểu học Diên Hạnh từ ngày 24/9/2018.

- Phó hiệu trưởng: Trần Trọng Ninh

Quyết định số 2394/QĐ-UBND, ngày 20/8/2024 về việc điều động, bổ nhiệm CBQL trường học đối với ông Trần Trọng Ninh giữ chức vụ phó hiệu trưởng trường tiểu học Diên Hạnh từ ngày 26/8/2024.

c) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục

Cơ cấu tổ chức trường tiểu học Diên Hạnh gồm: Hội đồng trường; Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng; Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng kỉ luật; Hội đồng tư vấn; Chi bộ; Công đoàn; Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; Tổ chuyên môn 1-2-3 và tổ 4-5; 24 lớp học.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của nhà trường; các nghị quyết của hội đồng trường; các quy chế nội bộ khác.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	37		1	35	1			1	8	28	21	16		
I	Giáo viên	32			31	1			1	8	23	16	16		
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:														
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	3			3					1	2	2	1		
3	Tin học	1			1						1	1			
4	Âm nhạc	1			1						1		1		
5	Mỹ thuật	2			2						2	1	1		
6	Thể dục	1			1						1	1			
II	Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1	1			
III	Nhân viên	3													
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			1						1				
3	Nhân viên y tế	1					1								
4	Nhân viên thư viện	1			1				1						
5	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
6	Nhân viên công nghệ thông tin														
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
8	Bảo vệ	1													

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

- Giáo viên: Loại tốt 61%, loại khá: 39%

- Cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp: loại Tốt: 2/2 đạt 100%

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

- Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: 35/35 đạt: 100%. Trong đó: BGH: 2; GV: 32

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Thông tin về cơ sở vật chất:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	24/24	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	24	1,4
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ, mượn	0	
III	Số điểm trường lẻ		
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	8211	9.3
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	5443	6.3
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	45	1,2
2	Diện tích thư viện (m ²)	45	0,05
3	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m²)</i>	448	0.5
4	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m²)</i>	45	1,3
5	<i>Diện tích phòng ngoại ngữ (m²)</i>	54	1.5
6	<i>Diện tích phòng học tin học (m²)</i>	54	1.5
7	<i>Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m²)</i>	45	0,05
8	<i>Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m²)</i>		
9	<i>Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m²)</i>	45	0,05
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	5	1
1.2	Khối lớp 2	5	1
1.3	Khối lớp 3	5	1
1.4	Khối lớp 4	4	1
1.5	Khối lớp 5	5	1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	

VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	15	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	28	
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		
	Nội dung	Số lượng(m ²)	
X	Nhà bếp	0	
XI	Nhà ăn	0	
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	
XIII	Khu nội trú		
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh
			Số m ² /học sinh
		Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1	2
		Chung	Nam/Nữ
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*		
		Chung	Nam/Nữ
		100	0,12

		Có	không	Số lượng (chất lượng)
XV	Nguồn nước inh hoạt hợp vệ sinh	x		Tốt
XVI	Nguồn điện lưới	x		3 pha, tốt
XII	Kết nối Internet	x		4 gói mạng, tốt
XIII	Trang website	x		
XIV	Tường rào xây	x		
XX	Khu xử lí rác	x		
XXI	Camera giám sát	x		

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả tự đánh giá			Kết quả đối chiếu mức độ đạt chuẩn quốc gia	
	Không đạt	Đạt		Không đạt	Đạt
		Mức 1	Mức 2		Mức 3
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường					
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược XD và phát triển nhà trường					
Được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị, của địa phương, bám sát các định hướng, các quy định của các văn bản	x	x	x	x	x

các cấp; được PGD&ĐT phê duyệt; công khai niêm yết. Có giải pháp giám sát thực hiện. Định kỳ có rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.						
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường	X	X			X	X
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng CSVN, các đoàn thể và tổ chức khác - Từ thời điểm đánh giá 9/2022-5/2024, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có 2 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. - Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng (Công đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trở lên, Liên Đội xuất sắc và xuất sắc tiêu biểu)	X	X	X		X	X
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, PHT, tổ trưởng chuyên môn và tổ văn phòng - Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định - Hoạt động của tổ chuyên môn có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục	X	X	X		X	X
Tiêu chí 1.5: Khối và tổ chức lớp học - Có đủ các khối lớp cấp tiểu học; Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định; Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ - Năm học 2023-2024, trường có 24 lớp (không quá 30 lớp); với 892 học sinh, trung bình mỗi lớp 37,1 học sinh/lớp đảm bảo theo quy định. Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.	X	X			X	X
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản - Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định; Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. - Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường; Từ thời điểm đánh giá T9/2022 đến T 5/2024 (trong đó có 05 năm liên tiếp trước đó), không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán. - Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.	X	X	X		X	X
Tiêu chí 1.7: Quản lý, giáo viên và nhân viên - Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường; Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định. - Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.	X	X			X	X

<p>Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục</p> <p>- Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường; Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ; Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.</p> <p>- Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.</p>		X	X			X	X
<p>Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở</p> <p>- Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường; Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.</p> <p>- Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả</p>		X	X			X	X
<p>Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học</p> <p>- Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ;...</p> <p>- Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích;... Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.</p> <p>- Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường</p>		X	X			X	X
<p>Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh</p>							
<p>Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng</p> <p>Đạt tiêu chuẩn theo quy định; Trong 5 năm kể từ năm học 2016-2017 đến 2023-2024, Hiệu trưởng và PHT được đánh giá đạt mức tốt trở lên chuẩn hiệu trưởng; Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định; Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.</p>		X	X	X		X	X
<p>Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên</p> <p>Năm học 2023-2024, trường có 24 giáo viên đảm bảo dạy học các môn và tổ chức các hoạt động giáo dục; có giáo viên làm TPT Đới. 100% GV đạt trình độ trên chuẩn.</p> <p>Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.</p> <p>Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.</p>		X	X	X		X	X
<p>Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên</p> <p>- Năm học 2023-2024, trường có 01 NVKT, 01 NV TVTB, 01 NVYT</p> <p>- Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;</p> <p>- Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm</p>		X	X	X		X	X
<p>Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh</p> <p>- Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định; Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định; Được đảm bảo các quyền theo quy định</p>		X	X	X		X	X

- Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường							
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học							
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập - Được cấp quyền sử dụng đất ngày 31 tháng 12 năm 2013 với diện tích 8211,9 m ² - Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục; Có công trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh; Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao. - Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định; Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả. Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát.		X	X	X		X	X
Tiêu chí 3.2: Phòng học - Năm học 2023-2024, trường có 24 phòng học đủ cho mỗi lớp 1 phòng, phòng học đúng quy cách, có diện tích đảm bảo quy định. Phòng học có đủ đèn, quạt; có đủ bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định; mỗi phòng học đều có tủ đựng TBDH. Có 1 phòng riêng biệt để dạy các môn Tiếng Anh; Tin học; Mỹ thuật; Âm nhạc, phòng Khoa học - Công nghệ; phòng học 24 lớp được trang bị ti vi phục vụ dạy học theo chương trình mới và phòng Tin học, Tiếng Anh, Âm nhạc được trang bị ti vi		X	X	X		X	X
Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính – quản trị - Năm học 2023-2024, trường có 1 phòng thiết bị giáo dục, 1 phòng truyền thông và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu các hoạt động giáo dục; - Khối phòng hành chính - quản trị bao gồm phòng HT, PHT, Văn phòng, Y tế đáp ứng các yêu cầu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường; Phòng bảo vệ. Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị cơ bản có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường. - Có khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự. - Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung. - Có phòng giáo dục nghệ thuật, nhà đa năng.		X	X	X		X	X
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước Nhà trường có 01 khu vệ sinh riêng dành cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, 02 khu vệ sinh dành cho học sinh đảm bảo thuận tiện, phù hợp với cảnh quan môi trường. Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh. Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.		X	X	X		X	X
Tiêu chí 3.5: Thiết bị - Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường; Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định; Có Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học; Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm. - Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.		X	X	X		X	X
Tiêu chí 3.6: Thư viện		X	X	X		X	X

<p>- Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học; Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh; Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo. Thư viện có 01 máy tính kết nối Internet. Có phòng đọc cho GV, HS</p> <p>- Chưa có hệ thống máy tính để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.</p>						
<p>Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.</p>						
<p>Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh</p>	X	X	X		X	X
<p>Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường - Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển - Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, ... - Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.</p>	X	X	X		X	X
<p>Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục</p>						
<p>Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường - Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục; - Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.</p>	X	X			X	X
<p>Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh</p>	X	X	X		X	X
<p>Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động được nhà trường xây dựng và tổ chức dạy học, hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh</p>	X	X	X		X	X
<p>Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học Xã đạt PCGD Tiểu học mức độ 3</p>	X	X	X		X	X
<p>Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt trên 99,7% (trên 95%), HS 11 tuổi hoàn thành CTTH đạt 98,3% (trên 90%) ; học sinh còn lại đang học tiểu học.</p>	X	X	X		X	X

1. Kết quả tự đánh giá:

Đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3; trường chuẩn quốc gia mức độ II

2. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Các nội dung cần cải tiến Tiêu chuẩn 1 “Tổ chức và quản lý nhà trường”:

- Phát huy điểm mạnh, nhà trường tiếp tục rà soát và bổ sung vào Phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo từng giai đoạn để phù hợp và có tính khả thi cao. Hiệu trưởng cụ thể hóa kế hoạch chiến lược nhà trường qua kế hoạch năm học 2023-2024, lấy ý kiến rộng rãi, làm cho kế hoạch nhà trường đến được CMHS, cộng đồng để nhận được nhiều góp ý, hoàn thiện phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường hơn.

- Tiếp tục thực hiện tốt việc phân công, phân nhiệm đội ngũ nhà trường để tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển công việc của mỗi cá nhân trong nhà trường.

- Giao trách nhiệm cho đồng chí Phó hiệu trưởng sắp xếp thời khóa biểu, bố trí thời gian hợp lý, tạo điều kiện để các tổ trưởng chuyên môn có nhiều thời gian tham gia quản lý, chỉ đạo các hoạt động của tổ đạt hiệu quả cao. Nâng cao hơn nữa chất lượng sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn, tập trung vào đổi mới phương pháp giảng dạy, đổi mới kiểm tra đánh giá, ứng dụng CNTT, sử dụng thiết bị giảng dạy... Bồi dưỡng tay nghề cho giáo viên tập sự, giáo viên cốt cán chuyên môn qua công tác hội giảng, hội thảo, viết sáng kiến kinh nghiệm, dự giờ thăm lớp.

- Tiếp tục duy trì và phát huy tốt cơ cấu tổ chức lớp học. Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kế hoạch hàng năm được phê duyệt, phân bố hợp lý sĩ số các lớp học để đảm bảo số học sinh 35 HS/lớp theo quy định.

- Nhà trường dành kinh phí từ nguồn ngân sách và nguồn tài trợ 30 000 000 đồng mua 01 Tivi màn hình rộng phục vụ hoạt động chung.

- Nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy các điểm mạnh trong việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Tăng cường tuyên truyền cho học sinh, cán bộ giáo viên, nhân viên phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội, phòng chống cháy nổ, phòng chống bạo lực học đường và phòng chống dịch bệnh, đặc biệt là dịch bệnh. Phối hợp với trạm y tế xã để tiếp tục làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho cán bộ giáo viên, công nhân viên.

- Hiệu trưởng phối hợp với các ban ngành chức năng tạo điều kiện cho 100% cán bộ giáo viên được tham gia lớp tập huấn về công tác phòng chống cháy nổ.

Các nội dung cần cải tiến Tiêu chuẩn 2 “Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và HS”:

- Giao cho đồng chí Nguyễn Thị Hà - Phó hiệu trưởng xây dựng kế hoạch để theo dõi, bồi dưỡng GV; tạo điều kiện để GV tham gia học tập, học hỏi, dự thi GVCN giỏi đạt kết quả cao trong dạy học.

- Nhân viên nhà trường tiếp tục phát huy năng lực, sở trường, tham gia bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao. Đặc biệt là bồi dưỡng năng lực chuyên môn về lĩnh vực văn thư để thành thạo công việc hơn.

- Quan tâm đến việc duy trì và giữ vững nền nếp trong HS. Phát huy vai trò, hiệu quả của Đội TNTPHCM, Sao nhi đồng trong công tác tự quản và theo dõi thi đua. Đẩy mạnh công tác kiểm tra việc thực hiện nội quy, quy định của học sinh. Kết hợp với

CMHS trong công tác phối hợp để chăm sóc, giáo dục HS. Động viên khen thưởng kịp thời học sinh có thành tích cao trong học tập để duy trì và phát huy hơn nữa các giải cao của học sinh trong các kỳ giao lưu cấp tỉnh, cấp quốc gia.

- Làm tốt hơn công tác phối hợp, tạo mối quan hệ khăng khít giữa Gia đình - Nhà trường
- Xã hội để giáo dục đạo đức, nề nếp giữ vệ sinh cá nhân cho các em.

Các nội dung cần cải tiến Tiêu chuẩn 3 “Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học”:

- Năm học 2023-2024, nhà trường sẽ tích cực vận động tài trợ từ các nguồn lực xã hội, trích ngân sách chi thường xuyên của nhà trường lập kế hoạch mua bổ sung đồ chơi, thiết bị vận động trang bị ở sân tập cho HS.

- Năm học 2023-2024, nhà trường tham mưu để xây dựng khu vệ sinh giáo viên đáp ứng được nhu cầu sử dụng.

- GV tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả việc khai thác, sử dụng và bảo quản đồ dùng, TBDH hiện có. Đẩy mạnh hơn nữa phong trào làm đồ dùng dạy học từ vật liệu sẵn có, ít tốn kém kinh phí trong giáo viên và học sinh. Cuối mỗi năm học nhà trường tổ chức kiểm kê thiết bị để từ đó có kế hoạch thanh lí thiết bị hư hỏng, mua mới bổ sung.

- Năm học, 2023-2024, nhà trường trích kinh phí chi thường xuyên 20 000 000 đồng mua sắm bổ sung thiết bị lớp 4

- Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng giao cho cán bộ phụ trách thư viện lên kế hoạch mua sắm, trao đổi quyên góp ủng hộ để tăng số lượng sách cho học sinh mượn đọc. Tổ chức phong phú hoạt động thư viện bằng nhiều hình thức như: Thi đọc, kể chuyện theo sách, giới thiệu sách mới...

Các nội dung cần cải tiến Tiêu chuẩn 4 “Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và XH”:

- Năm học 2023-2024, nhà trường cùng Ban đại diện CMHS thường xuyên giữ mối liên lạc, trao đổi nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động; các thành viên Ban đại diện CMHS khắc phục khó khăn về thời gian để cùng nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ năm học.

Các nội dung cần cải tiến Tiêu chuẩn 5 “Hoạt động GD và kết quả GD”:

- Từ năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường giao cho giáo viên chủ nhiệm lớp phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh làm tốt công tác tuyên truyền về các nội dung phát triển chương trình GD nhà trường để xây dựng được kế hoạch với nội dung đa dạng, phong phú, đáp ứng được mục tiêu của GD tiểu học trong bối cảnh hiện nay.

- Tiếp tục phát huy việc thực hiện có hiệu quả việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá học sinh theo định hướng hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất. Nâng cao hơn nữa việc dạy học phân hóa, bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh còn khó khăn trong học tập.

- Giao cho đồng chí Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn và các đồng chí tổ trưởng chuyên môn tiếp tục tổ chức các chuyên đề thiết thực, dự giờ thăm lớp... Qua đó bồi dưỡng, tư vấn, giúp giáo viên tự tin trong việc tự chủ lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp với định hướng hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

- Nhà trường tiếp tục duy trì, tổ chức tốt công tác tổ chức các hoạt động GDKNS, GDNGLL, phát triển chương trình GD để nâng cao năng lực cũng như phát triển toàn diện cho học sinh. Tạo nhiều sân chơi với nhiều nội dung và hình thức mới để lôi cuốn các em tham gia một cách tích cực, tự giác.

- Giao cho đồng chí Phó hiệu trưởng phụ trách công tác phổ cập tiếp tục kết hợp với Ban chỉ đạo phổ cập địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn cụ thể cho người dân hiểu về công tác PCGD để cùng phối hợp với nhà trường làm tốt nhiệm vụ điều tra ở các xóm.

- Ban giám hiệu giao trách nhiệm cho giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn quan tâm đến học sinh khó khăn trong học tập nhằm đạt được tỉ lệ 100% học sinh hoàn thành chương trình lớp học.

3. Kết quả thực hiện cải tiến chất lượng như sau:

- Năm 2022-2023:

+ Hợp đồng đủ tỷ lệ GV để dạy học 2 buổi/ngày

+ 1 CBQL hoàn thành khóa đào tạo thạc sĩ

+ Về CSVC: Hoàn thành xây dựng 01 phòng thư viện Roomtoris, mua 2 máy tính, 50 bộ bàn ghế HS, lắp 7 bảng từ 3 tấm cho lớp 1, lắp bảng biểu trang trí lớp 1,2. Mua đủ 5 bộ SGK, đồ dùng dạy học cho thay sách lớp 3

- Năm 2023-2024:

+ Hợp đồng đủ tỷ lệ GV để dạy học 2 buổi/ngày

+ 3 GV hoàn thành khóa học Đại học

+ Về CSVC: Hoàn thành công trình vệ sinh cho HS trị giá 1,2 tỷ; mua 55 bộ bàn ghế HS; lắp 4 bảng từ 3 tấm cho lớp 2; mua 4 máy tính. Mua đủ 5 bộ SGK, đồ dùng dạy học cho thay sách lớp 4

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả thực hiện giáo dục HS của năm học trước:

Toàn trường	Tổng số	Trong đó				
		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
Số lớp:	24	5	5	5	4	5
Số học sinh:	892	207	189	170	160	166
Trong đó: - Nữ	418	101	96	75	67	79
- Sĩ số bình quân	37	41	38	34	40	33
- HS chuyển trường	15		7	2	5	1
- HS tiếp nhận tại trường	25	3	7	6	5	4
- HS học 2 buổi/ngày	892	207	189	170	160	166
- HS được khám sức khỏe	892	207	189	170	160	166
- HS trái tuyến	15	5	3	5	0	2
- Khuyết tật	6	0	2	1	0	3
- HS thuộc hộ nghèo	11	2	2	2	0	5
- HS thuộc hộ cận nghèo	17	2	8	1	5	1
- HS công giáo	355	75	87	63	66	64
- Lưu ban	5	5	0	0	0	0

2. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

Đánh giá Kết quả cuối năm	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Tổng số HS	208		185		171		160		166	
Hoàn thành xuất sắc	97	46.6	69	37	71	41.5	74	46.2		
Hoàn thành tốt	69	33.2	54	29	56	32.7	52	32.5		
Hoàn thành	39	18.8	61	33	44	25.8	34	21.3		
Chưa hoàn thành	3	1.4	1	0.5	0	0	0	0		
Khen thưởng cuối năm										
Học sinh <i>Xuất sắc</i>	99	47.6	69	36.5	71	41.3	74	46.3	72	43.1
Học sinh <i>Tiêu biểu</i> hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện	66	31.7	54	28.6	56	32.6	52	32.5	52	31.1
Khen thưởng đột xuất										
Đề nghị cấp trên khen thưởng	10	4.8	9	4.8	13	7.6	15	9.4	28	16.8
Gửi thư khen										
Hoàn thành chương trình lớp học										
Hoàn thành	205	98.6	188	99.5	172	100	160	100	157	100
Chưa hoàn thành	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: Không

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

TT	Nội dung	Thực hiện	Ghi chú
A	Các khoản thu phân theo		
I	Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp		
1	Năm 2023	4 560 790 000	
2	Năm 2024	5 714 000 000	
II	Các khoản thu khác từ người học		
1	Tiền trông giữ xe đạp	37 100 000	

2	Dịch vụ poto đề kiểm tra định kì	16 429 500	
3	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	33 331 770	
4	Kinh phí tài trợ	154 425 000	
B	Các khoản chi phân theo		
1	Chi tiền lương và thu nhập lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên	4 859 541 712	
2	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...)	384 883 001	
3	Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...)	53 440 000	
4	Chi khác	40 879 187	

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học:

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 75/2021/NQ-HĐND			
Học kỳ 1 năm học 2023-2024	18	10.800.000	
Học kỳ 2 năm học 2023-2024	18	13.500.000	
Đối tượng được hỗ trợ học bổng và phương tiện đồ dùng dạy học: Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐTBLĐTBXH			
Hỗ trợ học bổng		25.920.000	
Học kỳ 1 năm học 2023-2024	2	11.520.000	
Học kỳ 2 năm học 2023-2024	2	14.400.000	
Hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập			
Học kỳ 1 năm học 2023-2024			
Học kỳ 2 năm học 2023-2024			

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	2.043.000	Tiền khác
2	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	10.576.192	TK 3714.0.1075340.00000 Tiền gửi xe đạp và lãi tiền gửi xe đạp 371.407TK: 3713.0.1075340.00000 Tiền tiếng anh tăng cường

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Danh hiệu thi đua nhà trường: Tập thể lao động tiên tiến.
2. CBGV đạt danh hiệu Lao động tiên tiến: 33/34 người
3. UBND huyện khen CSTĐCS: 08 người
4. UBND Huyện khen: 1 người
5. LĐLĐ huyện khen: 02 người

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

